TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-6-2023

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1975;

Nơi cư trú: Số 408B, ấp H, xã HĐ, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm: 1976;

Nơi cư trú cuối cùng: Số 379A, ấp P, xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu N kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã B, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 24/02/2004, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, đến cuối năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau, bà và ông Nghĩa đã ly thân từ năm 2005. Ông Nguyễn Hữu N đã bỏ địa phương đi từ năm 2016 đến nay không biết đang ở đâu, bà đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông N mất tích và được chấp nhận. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: bà và ông N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà và ông N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà M có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Ông Nguyễn Hữu N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và bà M đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị M khởi kiện ông Nguyễn Hữu N yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hữu N là bị đơn đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và nơi cư trú cuối cùng của ông N tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị M có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự .

Ông Nguyễn Hữu N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông N vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Nguyễn Hữu N kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã B, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 24/02/2004, hôn nhân do tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà M cho rằng mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau và đã ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Xét thấy, ông Nguyễn Hữu N đã bỏ địa phương đi từ năm 2016 đến nay không biết đang ở đâu và ông N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, vì vậy nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị M phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu N về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Hữu N.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mai M không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị M phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002817 ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị M đã thực hiện xong.

6. Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hữu N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út